

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102149

Mã lớp học phần: 24311MH110214901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy - (02051)

Ngày thi: 09/05/2025 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: A1.17(X.010)

Giám thị 1: Lê Thái Huy Ký tên: LTH

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040033	Nguyễn Mạnh Cường	22/02/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
2	2310040014	Võ Nhật Duy	03/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
3	2310040023	Đỗ Tấn Đạt	09/12/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
4	2310040024	Đoàn Minh Hải	24/05/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
5	2310040026	Nguyễn Lạc Hùng	07/09/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
6	2310040004	Lê Tuấn Linh	15/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
7	2310040003	Nguyễn Nhật Linh	09/09/2004	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
8	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	6,0	Sau	
9	2310040011	Trần Sơn Bảo Ngọc	18/11/2004	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
10	2310040016	Võ Phước Nguyên	17/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
11	2310040028	Trần Chí Nguyễn	09/01/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
12	2310040007	Lê Huỳnh Thanh Nhã	30/04/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
13	2310040034	Nguyễn Lương Nhấn	06/06/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
14	2310040029	Sơn Pôn Nhia	04/01/2004	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
15	2310040055	Thái Quốc Quang	22/10/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
16	2310040001	Ngô Minh Riêm	01/11/2000	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
17	2310040021	Nguyễn Ngọc Sang	10/08/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
18	2310040077	Nguyễn Thành Tài	10/07/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
19	2310040032	Trần Anh Tài	26/12/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	L2
20	2310040005	Võ Tấn Thành	12/06/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bao?	
21	2310010088	Trần Phú Thiên	22/07/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Bao?	
22	2310040006	Nguyễn Chánh Hùng Thiện	11/09/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
23	2310040076	Nguyễn Trần Anh Tuấn	03/02/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
24	2310040010	Trần Thế Vinh	10/05/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	
25	2310040015	Lê Minh Vương	19/06/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	8,0	Tam	

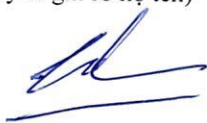
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 1. Số bài thi: 24 / 24.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 10 tháng 05 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Thanh Thủy

TRƯỚC
KHOA

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102149

Mã lớp học phần: 24311MH110214901 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy - (02051)

Ngày thi: 23/05/2025 Giờ thi: 14h00 Phòng thi: X CNC

Giám thị 1: Lê Thanh Huy Ký tên: hth

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310040033	Nguyễn Mạnh Cường		22/02/2005	C25CK1	<u>[Signature]</u>	7,0	Baý	
2	2310040014	Võ Nhựt Duy		03/04/2005	C25CK1	<u>Duy</u>	7,0	Baý	
3	2310040023	Đỗ Tấn Đạt		09/12/2005	C25CK1	<u>Đạt</u>	7,0	Baý	
4	2310040024	Đoàn Minh Hải		24/05/2005	C25CK1	<u>Hải</u>	8,0	Tam	
5	2310040026	Nguyễn Lạc Hùng		07/09/2005	C25CK1	<u>Hùng</u>	6,0	Sáu	
6	2310040004	Lê Tuấn Linh		15/04/2005	C25CK1	<u>Lê</u>	8,0	Tam	
7	2310040003	Nguyễn Nhật Linh		09/09/2004	C25CK1	<u>Linh</u>	6,0	Sáu	
8	2310040020	Cao Hoàng Năng		25/03/2005	C25CK1	<u>Năng</u>	6,5	Sáu Rưỡi	
9	2310040011	Trần Sơn Bảo Ngọc		18/11/2004	C25CK1	<u>Ngọc</u>	8,0	Tam	
10	2310040016	Võ Phước Nguyên		17/04/2005	C25CK1	<u>Phước</u>	7,0	Baý	
11	2310040028	Trần Chí Nguyễn		09/01/2005	C25CK1	<u>Nguyễn</u>	9,0	Chín	
12	2310040007	Lê Huỳnh Thanh Nhã		30/04/2005	C25CK1	<u>Nhã</u>	8,0	Tam	
13	2310040034	Nguyễn Lương Nhấn		06/06/2005	C25CK1	<u>Nhấn</u>	7,0	Baý	
14	2310040029	Sơn Pôn Nhia		04/01/2004	C25CK1	<u>Nhia</u>	8,0	Tam	
15	2310040055	Thái Quốc Quang		22/10/2005	C25CK1	<u>Quang</u>	8,0	Tam	
16	2310040001	Ngô Minh Riêm		01/11/2000	C25CK1	<u>Riêm</u>	7,0	Baý	
17	2310040021	Nguyễn Ngọc Sang		10/08/2005	C25CK1	<u>Sang</u>	8,0	Tam	
18	2310040077	Nguyễn Thành Tài		10/07/2005	C25CK1	<u>Tài</u>	—	—	L2
19	2310040032	Trần Anh Tài		26/12/2005	C25CK1	<u>Tài</u>	8,0	Tam	
20	2310040005	Võ Tấn Thành		12/06/2005	C25CK1	<u>Thành</u>	6,0	Sáu	
21	2310010088	Trần Phú Thiên		22/07/2005	C25CK1	<u>Thiên</u>	6,0	Sáu	
22	2310040006	Nguyễn Chánh Hùng Thiện		11/09/2005	C25CK1	<u>Thiện</u>	8,5	Tam Rưỡi	
23	2310040076	Nguyễn Trần Anh Tuấn		03/02/2005	C25CK1	<u>Tuấn</u>	9,0	Chín	
24	2310040010	Trần Thế Vinh		10/05/2005	C25CK1	<u>Vinh</u>	7,5	Baý Rưỡi	
25	2310040015	Lê Minh Vương		19/06/2005	C25CK1	<u>Vương</u>	7,0	Baý	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 29 vắng thi: 1. Số bài thi: 29 / 29.

Ngày 24 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

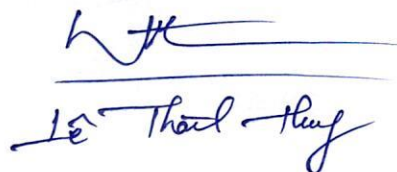


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 24 tháng 05 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tiện phay CNC nâng cao - MH1102149

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 24311MH110214901 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Lê Thành Huy

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 17/07/2025 Giờ thi: 07h45 Phòng thi: X.PHAY

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310040033	Nguyễn Mạnh Cường	22/02/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
2	2310040014	Võ Nhật Duy	03/04/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
3	2310040023	Đỗ Tấn Đạt	09/12/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
4	2310040024	Đoàn Minh Hải	24/05/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
5	2310040026	Nguyễn Lạc Hùng	07/09/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
6	2310040004	Lê Tuấn Linh	15/04/2005			8,0	Tám	C25CK1	
7	2310040003	Nguyễn Nhật Linh	09/09/2004			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
8	2310040020	Cao Hoàng Năng	25/03/2005			7,0	Bảy	C25CK1	
9	2310040011	Trần Sơn Bảo Ngọc	18/11/2004			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
10	2310040016	Võ Phước Nguyên	17/04/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
11	2310040028	Trần Chí Nguyễn	09/01/2005			8,0	Tám	C25CK1	
12	2310040007	Lê Huỳnh Thanh Nhã	30/04/2005			8,0	Tám	C25CK1	
13	2310040034	Nguyễn Lương Nhấn	06/06/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
14	2310040029	Sơn Pôn Nhia	04/01/2004			7,0	Bảy	C25CK1	
15	2310040055	Thái Quốc Quang	22/10/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
16	2310040001	Ngô Minh Riêm	01/11/2000			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
17	2310040021	Nguyễn Ngọc Sang	10/08/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
18	2310040032	Trần Anh Tài	26/12/2005			8,0	Tám	C25CK1	
19	2310040005	Võ Tấn Thành	12/06/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
20	2310010088	Trần Phú Thiên	22/07/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	
21	2310040006	Nguyễn Chánh Hùng	11/09/2005			8,0	Tám	C25CK1	
22	2310040076	Nguyễn Trần Anh Tuấn	03/02/2005			8,0	Tám	C25CK1	
23	2310040010	Trần Thế Vinh	10/05/2005			8,0	Tám	C25CK1	
24	2310040015	Lê Minh Vương	19/06/2005			7,5	Bảy rưỡi	C25CK1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt: 24 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 18 tháng 7 năm 2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 18 tháng 07 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Lê Thành Huy